



CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA
NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM

----- 3 0 8 -----

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ: 33/MORINAGA/2024

KEM MOW MATCHA MORINAGA

THÁI NGUYÊN, 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 33/MORINAGA/2024

I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Phổ Yên, phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại: 02083 666 669

Fax: 02083 866 474

Mã số doanh nghiệp: 4600285900

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: KEM MOW MATCHA MORINAGA

2. Thành phần:

Nước, sữa (sữa gầy cô đặc, phô mai), xirô tinh bột, đường kính, dầu thực vật, đường fructose, lòng đỏ trứng, bột trà matcha (1,40%), hương liệu nhân tạo (hương matcha).

Sản phẩm có chứa sữa, trứng.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1. Quy cách đóng gói:

Thể tích thực (trọng lượng tịnh): 140 ml (108 g). *(Sai số định lượng phù hợp với Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ).*

4.2. Chất liệu bao bì:

Sản phẩm đựng trong bao bì cốc giấy, bên trong là lớp nhựa PE chuyên dùng cho thực phẩm, đảm bảo yêu cầu an toàn thực phẩm theo QCVN 12-1:2011/BYT của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Morinaga Milk Industry

Địa chỉ: 1-5-2, Higashi-shimbashi, Minato-ku, Tokyo, Nhật Bản

Sản xuất tại: Công ty Cổ phần Fuji Morinaga Milk Industry; địa chỉ: 18, Nameri, Nagaizumi-cho, Shunto-gun, Shizuoka, Nhật Bản.



III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 10 năm 2024



TỔNG GIÁM ĐỐC
KOHARA SHUNSUKE





KEM MOW MATCHA MORINAGA

Thể tích thực (Trọng lượng tịnh): **140 ml (108 g)**

THÀNH PHẦN: Nước, sữa (sữa gầy cô đặc, phô mai), xirô tinh bột, đường kính, dầu thực vật, đường fructose, lòng đỏ trứng, bột trà matcha (1,40%), hương liệu nhân tạo (hương matcha).

**Sản phẩm có chứa sữa, trứng.*

Thông tin cảnh báo: Không dùng cho người dị ứng với các thành phần sản phẩm.

THÔNG TIN DINH DƯỠNG TRÊN 140 ml SẢN PHẨM: Năng lượng 209 kcal; Chất đạm 3,7 g; Chất béo 8,8 g; Carbohydrat 28,8 g; Đường tổng số 17,3 g; Natri 37,8 mg.

HDSD: Sử dụng ngay sau khi lấy ra khỏi tủ đông và mở bao bì. **HDBQ:** Bảo quản đông lạnh ở nhiệt độ dưới -18°C.

NHÀ SẢN XUẤT: Công ty Cổ phần Morinaga Milk Industry.

Địa chỉ: 1-5-2, Higashi-shimbashi, Minato-ku, Tokyo, Nhật Bản.

Sản xuất tại Công ty Cổ phần Fuji Morinaga Milk Industry.

Địa chỉ: 18, Nameri, Nagaizumi-cho, Shunto-gun, Shizuoka, Nhật Bản.

SẢN XUẤT TẠI NHẬT BẢN

THƯƠNG NHÂN NHẬP KHẨU & CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ HÀNG HÓA:

Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam.

- **Địa chỉ:** Khu công nghiệp Nam Phổ Yên, phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.
- **Hotline:** 1800-888-602
- **Website:** www.morinaga-nf.com.vn

NSX: 24 tháng trước hạn sử dụng | **HSD:** DD/MM/YY

4 902720 146814

18℃ 以下 要冷蔵

原産地表示 (28品目中) プリン

原材料に含まれる 卵

FSC C015741

ミックス パッケージにはある 成分表示を参照してください

MOWサイトへアクセス! <https://mow-ice.jp>

●まれに原材料由来(脂肪分や抹茶等)の濃い緑色のかたまりが入る事がありますが、品質には問題ありません。

栄養成分表示	エネルギー 209kcal	炭水化物 28.8g
たんぱく質 3.7g	食塩相当量 0.10g	
脂 質 8.8g		

(140ml当たり)

この表示値は、目安です。

フリーダイヤル 0120-082-749

お気づきの点は、森永乳業にお客さま相談室へご連絡ください。

保存上の注意 要冷蔵(-18℃以下)

製造所 富士森永乳業株式会社 静岡県駿東郡長泉町納米里18

販売者 森永乳業株式会社 東京都港区東新橋1-5-2

内容量 140ml

油脂、加糖卵黄(卵黄、砂糖)、果糖、まっ茶/香料(一部に卵・乳成分を含む)

原材料名 乳製品(国内製造、ニース・ラント製造)、水あめ、砂糖、植物油

無脂乳固形分 7.0% 乳脂肪分 3.0% 植物性脂肪分 4.0% 卵脂肪分 0.4%

種類別 アイスミルク



TỔNG GIÁM ĐỐC
KOHARA SHUNSUKE

日本製造

MOW モウ

Matcha
[宇治抹茶]

京都府産宇治抹茶使用

種類別 アイスミルク

OPEN

MOW モウ

[宇治抹茶]

03688 9615 A 1

1. MOW MATCHA



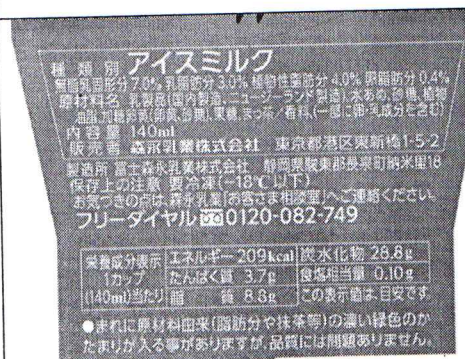
MOW MATCHA

Sản xuất tại Nhật

Matcha (Trà xanh vùng Uji)

Sử dụng bột trà xanh vùng Uji tỉnh Kyoto

Loại: Kem sữa



Loại sản phẩm: Kem sữa

Protein sữa không béo 7,0% Chất béo trong sữa 3,0%
dầu thực vật 4,0% Chất béo trong trứng 0,4%

Thành phần: Các sản phẩm từ sữa (sản xuất tại Nhật Bản, New Zealand), xirô tinh bột, đường, dầu thực vật, lòng đỏ trứng có thêm đường (lòng đỏ trứng, đường), fructose, matcha/hương liệu, (một số thành phần từ trứng và sữa)

Thể tích thực 140ml

Nhà phân phối: Công ty Cổ phần Morinaga Milk Industry.

1-5-2 Higashi-Shimbashi, Minato-ku, Tokyo

Sản xuất tại: Công ty Cổ phần Fuji Morinaga Milk Industry.

18 Nameri, Nagaizumi-cho, Sunto-gun, Shizuoka

Lưu ý khi bảo quản: cần bảo quản đông lạnh (dưới -18°C)

Nếu cần giải đáp, vui lòng liên hệ với Phòng Dịch vụ

26

Chuo

BẢN DỊCH

	Khách hàng của Morinaga Milk. Miễn phí cuộc gọi: 0120-082-749 <table><tr><td>Thành phần dinh dưỡng: 1 hộp tương đương 140ml</td><td>Năng lượng: 209kcal Chất đạm: 3.7g Chất béo: 8.8g</td><td>Carbohydrate: 28.8g Lượng muối tương đương: 0.10g Giá trị này mang tính tham khảo</td></tr></table> • Có thể có những vón cục màu xanh đậm do nguyên liệu (như chất béo, bột trà xanh, ...) tạo thành, nhưng không ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.	Thành phần dinh dưỡng: 1 hộp tương đương 140ml	Năng lượng: 209kcal Chất đạm: 3.7g Chất béo: 8.8g	Carbohydrate: 28.8g Lượng muối tương đương: 0.10g Giá trị này mang tính tham khảo
Thành phần dinh dưỡng: 1 hộp tương đương 140ml	Năng lượng: 209kcal Chất đạm: 3.7g Chất béo: 8.8g	Carbohydrate: 28.8g Lượng muối tương đương: 0.10g Giá trị này mang tính tham khảo		
	Truy cập trang MOW! https://mow-ice.jp Chất gây dị ứng có trong nguyên liệu thô (nằm trong danh mục 28 chất gây dị ứng): trứng và sữa. Bao bì hỗn hợp / Chứng nhận FSC™ C015741 trách nhiệm trong việc quản lý rừng. Cần bảo quản đông (dưới -18°C)			

CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA
NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM

(Đã ký và đóng dấu)

Tổng giám đốc

KOHARA SHUNSUKE

28

Cher

Tôi, Cao Thị Hạnh, Căn cước công dân số: 033187001962 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 11/01/2017; cam đoan dịch chính xác giấy tờ/ văn bản này từ tiếng Nhật sang tiếng Việt.

Người dịch

Cao

Cao Thị Hạnh

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 16 tháng 8 năm 2024 (Ngày mười sáu, tháng tám, năm hai nghìn không trăm hai mươi tư)

Tại, Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tôi, *Trần Thị Huyền* Công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật.

CHỨNG NHẬN:

- Bản dịch này do bà Cao Thị Hạnh, Căn cước công dân số: 033187001962 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 11/01/2017; là cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội, đã dịch từ tiếng Nhật sang tiếng Việt.
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của bà Cao Thị Hạnh.
- Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;
- Văn bản công chứng này được lập thành 02 (hai) bản chính, mỗi bản gồm 03 tờ, 03 trang, lưu 01 (một) bản tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số công chứng: *17899*, Quyển số: 01 /2024 TP/ CC-SCC/BD

CÔNG CHỨNG VIÊN



Trần Thị Huyền





Report N°: 0000617084

Page N° 1/4

Ho Chi Minh City, Date: July 31, 2024

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 31/07/2024

ANALYSIS REPORT

BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2406A-0809

Đơn hàng: 2406A-0809

CLIENT'S NAME : MORINAGA NUTRITIONAL FOODS VIETNAM JOINT STOCK COMPANY
Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM

CLIENT'S ADDRESS : NAM PHO YEN INDUSTRIAL PARK, THUAN THANH WARD, PHO YEN CITY,
Địa chỉ : THAI NGUYEN PROVINCE, VIETNAM
KCN NAM PHỖ YÊN, PHƯỜNG THUẬN THÀNH, THÀNH PHỐ PHỖ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN, VIỆT NAM

SAMPLE INFORMATION:

THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : Client
Được lấy/ gửi bởi : Khách hàng

Client's reference : KEM MOW MATCHA MORINAGA
Chú thích của khách hàng :

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : Food (approx. gr. wt. 1.2kg) in 10 full labeled paper containers
Mô tả mẫu : Thực phẩm (khoảng 1.2kg bao gồm bao bì) chứa trong 10 vật chứa bằng giấy nhãn mác đầy đủ

Sample ID : 2406A-0809.003
Mã số mẫu :

Date sample(s) received : June 07, 2024
Ngày nhận mẫu : 07/06/2024

Testing period : June 07, 2024 - June 14, 2024
Thời gian thử nghiệm : 07/06/2024 - 14/06/2024

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.





Report N°: 0000617084

Page N° 2/4

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Enterobacteriaceae <i>Enterobacteriaceae</i>	ISO 21528-2:2017	<10	-	10	cfu/g	
2. Salmonella spp. <i>Salmonella spp.</i>	ISO 6579-1:2017/ Amd 1:2020	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.8	-	cfu/25g	
3. Aflatoxin M1 <i>Aflatoxin M1</i>	ISO 14501:2021	<0.01	0.003	0.01	µg/kg	
4. Arsenic (As) <i>Asen</i>	AOAC 2013.06	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.005	0.01	mg/kg	
5. Cadmium (Cd) <i>Cadimi</i>	AOAC 2013.06	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.0025	0.005	mg/kg	
6. Lead (Pb) <i>Chì</i>	AOAC 2013.06	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.005	0.01	mg/kg	
7. Mercury (Hg) <i>Thủy ngân</i>	AOAC 2013.06	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.005	0.01	mg/kg	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analyses marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao ().*
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
*Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.*
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000617084

Page N° 3/4

pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/điện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

PHOTO APPENDIX PHỤ LỤC HÌNH ẢNH



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



SGS

Report N°: 0000617084

Page N° 4/4

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

*** END OF THE REPORT ***

Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here



[Customer's feedback - Food Lab](#)

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam
Lâm Văn Xự



Lâm Văn Xự
Giám Đốc Ngành Sức Khỏe Và Dinh Dưỡng



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/vn/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.